TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VỊ THANH** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 62/2019/HNGĐ-ST. Ngày 27 – 3 – 2019. V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VỊ THANH, TỈNH HẬU GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phan Như Nguyện.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tạ Hồng Thái

Ông Phạm Hoàng Phúc

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Lý Sơn Thanh Phong. Thư ký Toà án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 27 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Vị Thanh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 232/2018/TLST – HNGĐ, ngày 03 tháng 12 năm 2018, về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2019/QĐXXST - HNGĐ, ngày 19 tháng 02 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 12/2019/QĐST-DS, ngày 11 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Thị Ngọc V. (Có mặt).

Địa chỉ: Khu vực 4, phường III, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

- *Bị đơn:* Anh Danh C. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu vực 4, phường III, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện gửi Tòa án và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Thị Ngọc V trình bày: Chị và anh Danh C quen biết nhau và chung sống như vợ chồng từ năm 2009 trên cơ sở tự nguyện, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, nhưng về sau này tính tình không hòa hợp nên phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi vã do bất đồng ý kiến, anh Danh C có hành vi bạo lực gia đình, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, chị và anh Danh C đã sống ly thân với nhau từ năm 2015 đến nay không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Về con chung: Có 01 con chung tên Thị Ngọc G, sinh ngày 13/4/2012. Hiện đang sống chung với chị Thị Ngọc V và gia đình bên ngoại.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa chị Thị Ngọc V yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Thị Ngọc V yêu cầu được ly hôn với anh Danh C.

Về con chung: Chị Thị Ngọc V yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh Danh C phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn anh Danh C đã được tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng đều vắng mặt, nên chưa trình bày ý kiến và đưa ra yêu cầu của mình.

Tại phiên tòa anh Danh C vẫn vắng mặt không có lý do.

Kèm theo đơn khởi kiện, chị Thị Ngọc V có nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ là Giấy khai sinh của con chung tên Thị Ngọc G (bản sao); anh Danh C không có nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Thị Ngọc V và anh Danh C chung sống với nhau vào năm 2009 trên cơ sở tự nguyện, thời gian chung sống không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên quan hệ hôn nhân của anh chị không được pháp luật công nhận là hợp pháp. Thời gian chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, trong cuộc sống không phù hợp tính tình, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, khi có mâu thuẫn anh chị đã không tạo điều kiện hàn gắn mà để mâu thuẫn kéo dài, dẫn đến sống ly thân với nhau từ năm 2015 đến nay. Nay chị Thị Ngọc V xin ly hôn, anh Danh C cũng không có ý kiến, điều đó chứng tỏ anh chị đã có nhiều mâu thuẫn, không muốn tiếp tục cuộc sống như vợ chồng, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình, không công nhận chị Thị Ngọc V và anh Danh C là vợ chồng.

[2] *Về con chung*: Chị Thị Ngọc V khai có 01 con chung tên Thị Ngọc G, sinh ngày 13/4/2012, anh Danh C không có ý kiến. Chị Thị Ngọc V yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh Danh C cấp dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu Thị Ngọc G hiện nay chưa đủ 07 tuổi, đã sống với mẹ là chị Thị Ngọc V từ khi còn nhỏ đến nay, cuộc sống của cháu đã ổn định. Khi ly thân anh Danh C cũng giao con cho chị Thị Ngọc V chăm sóc, nuôi dưỡng. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án anh Danh C cũng không thể hiện yêu cầu được nuôi con, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quyết định giao cháu Thị Ngọc G cho chị Thị Ngọc V được quyền nuôi dưỡng. Chị Thị Ngọc V chưa có yêu cầu anh Danh C cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử chưa xem xét.

[3] *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị Thị Ngọc V khai không có, anh Danh C cũng không có ý kiến nên Hội đồng xét xử chưa xem xét. Nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết thành vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[4] *Án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn*: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án buộc chị Thị Ngọc V phải chịu.

[5] Đối với anh Danh C dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập đến dự phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với anh Danh C.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Thị Ngọc V và anh Danh C là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung tên Thị Ngọc G, sinh ngày 13/4/2012 cho chị Thị Ngọc V được quyền trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Danh C chưa phải cấp dưỡng nuôi con do chị Thị Ngọc V chưa có yêu cầu. Anh Danh C có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không sống chung với mình mà không ai được quyền cản trở

3. Án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn: Buộc chị Thị Ngọc V phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Chuyển 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí chị Vàng đã nộp theo biên lai thu số 0016355 ngày 03/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

4. Chị Thị Ngọc V được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Danh C vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Vị Thanh;
- Chi cục THADS thành phố Vị Thanh;
- UBND phường III, Tp. Vị Thanh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Như Nguyện